TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 25/2019 /DS-PT
Ngày: 16/5/2019
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Liên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Trần Thị Nhài

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hương Giang- Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/QĐPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H1, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền *:* Ông Ph, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà V và bà B – Luật sư thuộc văn phòng luật sư CĐ – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (đều có mặt).

2. Bị đơn: Ông H2, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có măt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông L1, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và môi trường thị xã PY (vắng mặt).

3.2. Anh L2, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 57, ngõ 259, phố YH, CG, Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Đ, sinh năm 1939;

Địa chỉ: xóm TX, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.2. D1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐP, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.3. D2, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.4. Ông B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.5. Bà S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐC, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.6. Ông H3, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

4.7. Ủy ban nhân dân phường ĐT: Người đại diện theo pháp luật: Ông V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ĐT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông H1 trình bày: Ông và ông H2 là anh em ruột. Năm 1976 ông được bố mẹ là cụ S và cụ Th cho ra ở riêng trên phần đất cạnh nhà bố mẹ ông và cho ông một cái ao diện tích hơn 300 m^2 ở trước cửa nhà bố mẹ ông (hiện nay nhà ông H2 đang ở). Từ khi được bố mẹ cho ao ông vẫn sử dụng để thả cá, nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian ông H2 cãi nhau với cô Th1 là vợ đầu tiên của ông H2, thì ông H2 có nói với ông: "cái ao của bác cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em, tuy nhiên để em giải quyết ly hôn với cô Th1 xong thì em lại trả ao lại cho bác". Lúc đó ông

mới biết diện tích ao ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2. Sau đó ông đã yêu cầu ông H2 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông đi tách diện tích đất ao đó ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2, nhưng ông H2 khất lần không đưa cho ông. Do nhắc nhở nhiều lần mà ông H2 vẫn không hợp tác, mặt khác trong quá trình ông sử dụng thì ông H2 thỉnh thoảng ra cản trở. Vì vậy, ông đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường ĐT xem xét giải quyết, trong quá trình giải quyết ông H2 không hợp tác, chửi bới và không trả lại diện tích ao cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H2 phải trả lại cho ông toàn bộ diện tích ao 302 m^2 tại thửa số 590, tờ bản đồ số 105, vị trí thửa đất tại tổ dân phố Gi phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C320056 đã cấp cho ông H2 tại thửa đất 590 tờ bản đồ 105 thuộc tổ dân phố Gi, phường ĐT vì trong đó có diện tích ao thuộc quyền sở hữu của ông.

Ông H2 trình bày: Ông là em của ông H1. Bố mẹ ông sinh được 10 người con, 03 người đã mất từ lúc còn nhỏ, hiện nay còn 7 anh chị em. Anh em ông sinh ra và lớn lên tại mảnh đất của bố mẹ. Khoảng năm 1977, năm 1978 ông H1 xây dựng gia đình, bố mẹ ông cho đất và làm nhà cho ông H1 ở riêng ở cạnh thửa đất của bố mẹ ông (hiện nay ông đang ở). Cả 03 người con trai đều được bố mẹ cho đất và làm nhà riêng. Đến năm 1986 ông lấy chị Th1 (nay đã ly hôn) sau ngày cưới bố mẹ ông giao quyền sử dụng đất cho ông, từ đó đến nay ông vẫn nộp thuế đầy đủ theo chính sách của Nhà nước. Năm 1986 sau khi ông lấy vợ được 17 ngày thì bố ông mất (ngày 28/11/1986). Mẹ ông vẫn ở chung với vợ chồng ông (đến năm 2002 thì mẹ ông chết). Năm 1993 khi có chủ trương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông cũng tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1994 ông được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) PY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 4.184 m^2 trong đó có 1.184 m^2 đất thổ cư tại thửa số 590, tờ bản đồ số 105 còn lại là đất canh tác. Năm 2009 ông được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa số 590, tờ bản đồ số 105 diện tích 1.184 m^2. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là liền thửa chứ không tách ao riêng. Khi được bố mẹ ông cho đất thì trên diện tích đất đó đã có nhà, đất, ao. Năm 2007 khi ông ly hôn với cô Th1 thì bà D1, bà D2, bà D3, ông B, bà S và cả ông H1 cũng đang mang đơn ra Tòa án án xác định đất đó là bố mẹ ông cho riêng ông nên không chia cho cô Th1 được. Nay ông H1khởi kiện yêu cầu ông trả lại cho ông H1 diện tích đất nêu trên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đối với thửa số 590, tờ bản đồ số 105, ông không đồng ý, vì phần diện tích đất đó ông đã được bố mẹ ông cho và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu từ năm 1994 và được cấp lại vào năm 2009.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh L2 trình bày: Từ năm 1992 khi tôi sinh ra và còn nhỏ bà tôi đã sinh sống cùng với gia đình tôi, giữa bà và bố tôi không

có điều tiếng gì, bà rất thương yêu gia đình tôi và cho bố tôi sử dụng ao trước nhà để nuôi cá, dùng vào việc tưới tiêu. Cái ao đã có từ trước lúc tôi sinh ra và bố tôi (ông H2) là người trực tiếp sử dụng vào mục đích nuôi cá và lấy nước việc này tất cả mọi người trong gia đình đều biết và không có ai phản đối. Hàng năm tôi có thấy cán bộ thuế đến nhà tôi thu tiền thuế sử dụng ao và bố tôi trực tiếp nộp thuế đầy đủ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì công việc bận, tôi công tác xa nhà nên không thể tham gia vụ án trực tiếp giải quyết vụ án. Tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

Người làm chứng: Bà S trình bày, tôi là em gái của ông H1 và là chị gái của ông H2, Về nguồn gốc đất hiện ông H1, ông H2 đang sử dụng như ông H1, ông H2 khai là đúng. Đất mà hai ông đang tranh chấp thì khi tôi còn ở cùng với mẹ tôi cũng đã được nghe bố mẹ nói là cho ông H1 sử dụng vì ông H1 là con trưởng, để ông H1 lo công việc. Ông H1dùng ao để thả cá. Khi đánh cá thì ông H1 có chia cho tôi, mẹ tôi và cả ông H2 (lúc đó tôi chưa xây dựng gia đình vẫn ở chung cùng mẹ tôi và ông H2). Năm 1999 tôi xây dựng gia đình không ở trên đất đấy nữa. Thời gian gần đây thì tôi mới biết là cái ao đó nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2. Nguyên vọng của tôi là hai gia đình tự giải quyết tình cảm với nhau để giữ hòa khí trong gia đình.

Bà D1 trình bày: Về nguồn gốc đất ao ông H1 và ông H2 đang tranh chấp là của cụ Svà cụ Th. Tôi cũng được nghe bố mẹ nói là cho ông H1 sử dụng vì ông H2 là con trưởng, ông H1 dùng ao để thả cá. Vào thời gian nào tôi không nhớ nhưng ông H2 có nói với tôi là ao nhà ông H1 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em, em không được sử dụng mà ông H1 được sử dụng nhưng em vẫn phải đóng thuế. Tôi có nói là thế thì anh em bảo nhau, giải quyết tình cảm. Nguyện vọng của tôi là hai anh em nhường nhịn nhau, ông H1 có thể bớt tí đất để cho ông H2 làm đường đi vào nhà cho rộng rãi.

Bà D2 trình bày: Về nguồn gốc ao ông H1, ông H2 đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ tôi để lại. Khi bố tôi còn sống thì bố mẹ tôi có nói là cho ông H1 cái ao đó để sử dụng vì ông H1 là con trưởng, thỉnh thoảng đánh bắt cá để tiếp khách. Khoảng hơn 1 năm về đây tôi biết ao nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2. Lý do tôi biết là do ông Hội gọi tôi ra để họp anh em giải quyết việc ông H2 không trả lại ao cho ông Hội. Nguyện vọng của tôi là hai bên gia đình giải quyết tình cảm với nhau, mỗi người một nửa. Tôi xác định bố mẹ tôi có cho ông H1 một phần diện tích phía đất đằng sau nhà ông H2 và ông H1 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Điều mà tôi thắc mắc là lý do gì ông H1 kê khai và được cấp phần diện tích đất này mà lại không kê khai cấp diện tích đất ao vào giấy chứng nhận của mình, để cho ông H2 phải gánh thuế bao nhiêu năm nay.

Bà D3 trình bày: Về nguồn gốc ao ông H2, ông H1 đang tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ tôi để lại. Việc bố mẹ tôi cho ông H1 hay không thì tôi không trực tiếp được nghe từ bố mẹ vì khi đó tôi đang đi công tác. Năm 1980 khi tôi về gần nhà thì được nghe anh chị em tôi nói lại là bố mẹ cho ông H1 sử dụng. Từ năm 1980 tôi vẫn thấy ông H1sử dụng và đánh cá. Khoảng 4 năm trở lại đây tôi thấy có đổ đất đá xung quanh ao nên tôi cũng không thấy ông H1 đánh bắt cá nữa. Cách đây khoảng 10 năm tôi có nghe ông H2 nói ông H1 là người sử dụng ao nhưng ông H2 là người gánh thuế từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H1 khi đó cũng biết ông H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ao đó nhưng chính ông H1 cũng không có ý kiến gì. Sau đó thì hai gia đình xảy ra tranh chấp và tôi cũng đã tham gia phiên họp gia đình lần đầu tiên nói chuyện về việc đất cát. Tôi cũng xác nhận là bố mẹ tôi cho ông H1 sử dụng ao đó. Nguyện vọng của tôi là hai bên gia đình giải quyết tình cảm, mỗi người một nửa.

Ông B trình bày: Tôi nhất trí như lời trình bày của ông H1, bà S, bà D1, bà D2 và bà D3. Về diện tích đất ông H1và ông H2 đang tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ tôi cho ông H1 sử dụng đến nay. Năm 2010 ông H2phát hiện ra cái ao nhà ông H1 sử dụng được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2. Các anh em trong gia đình đã họp và thống nhất trả lại ao cho ông H1. Tuy nhiên thời điểm đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H2 đang thế chấp ở Ngân hàng nên ông H2 không giao giấy chứng nhận lại để cho ông H1 tách phần đất ao.

Ông H3 trình bày: Tôi là trưởng họ Phạm, tất cả các cuộc họp trong dòng họ tôi đều tham gia. Về nguồn gốc diện tích ao ông H1, ông H2 đang tranh chấp là của bố mẹ ông H1, ông H2 để lại. Từ khi bố mẹ ông H1 còn sống thì tôi đã thấy ông H1 sử dụng ao đó đến nay. Tại cuộc họp gia đình lần đầu tiên (thời gian cụ thể tôi không nhớ) đã thống nhất ông H1 trả cho ông H2 một ít đất đằng sau của nhà ông H2, còn ông H2trả lại cho ông H1 phần diện tích ao. Tuy nhiên khi đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H2 đang thế chấp ở Ngân hàng nên ông H2 có nói là khi nào lấy được giấy chứng nhận ở Ngân hàng về thì sẽ đưa cho ông H1 để chuyển tách phần diện tích ao sang cho ông H1. Đến thời điểm này ông H2 vẫn không đưa bìa đỏ cho ông H1 để làm thủ tục tách đất như thỏa thuận tại phiên họp gia đình lần đó.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị xã PY - trình bày quan điểm, căn cứ theo hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân phường ĐT ngày 08/9/1993, ông H2 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, đã được Hội đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã ĐT (nay là phường ĐT) nhất trí với tổng diện tích 4184 m^2, trong đó, tại thửa 590, tờ bản đồ số 105, diện tích 1184 m^2 là loại đất Thổ cư. Ngày 04/6/1994 ông Hải được UBND huyện PY (nay là thị xã PY) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4184 m^2, trong đó, tại thửa 590, tờ bản đồ số 105, diện tích 1184 m^2 là loại đất Thổ cư. Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của

ông H2 ngày 08/9/1993 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/6/1994 thì không thể hiện rõ nguồn gốc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo hình thức nào

Đối với trình tự cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2009 cho ông H2, tại thửa 590, tờ bản đồ số 105 diện tích 1184 m^2. Căn cứ hồ sơ lưu tại Phòng tài nguyên và môi trường ngày 10/12/2008 ông H2 làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (dùng cho trường hợp cấp đổi theo Quyết định số 1597 của UBND tỉnh Thái Nguyên) thửa 590, tờ bản đồ số 105 diện tích 1184 m^2, trong đó đất ở nông thôn là 900 m^2 và đất cây lâu năm là 284 m^2 đã được cơ sở xóm Gi (nay là tổ dân phố Gi), phường ĐT xác nhận và thị thực vào hồ sơ. Đến ngày 04/6/2009 UBND huyện (nay là thị xã PY) ban hành Quyết định số 6649/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2 thửa 590, tờ bản đồ số 105 diện tích 1184 m^2. Trong đó đất ở nông thôn là 900 m^2 và đất cây lâu năm là 284 m^2. Theo hồ sơ ông H2làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 có ghi nguồn gốc là do bố mẹ cho.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2 lần đầu vào năm 1994, diện tích 4184 m^2 trong đó thửa đất 590, tờ bản đồ số 105 diện tích 1184 m^2 là loại đất thổ cư và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2 năm 2009 là đúng với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 271, 273, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1 đối với ông H2, về việc yêu cầu ông H2 phải trả lại diện tích đất ao 302 m^2 tại thửa đất 590 tờ bản đồ số 105, vị trí thửa đất tại tổ dân phố G, phường Đt, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 320056 tại thửa 590 tờ bản đồ 105 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) PY cấp ngày 04/6/1994 mang tên H2 .

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản : ông H1 phải chịu 3.000.000đồng. Ông H1đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông H1 phải chịu 21.710.488 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước , được khấu trừ vào số tiền 2.000.000đồng đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên , biên lai số 009452 ngày 07/12/2016. Ông H1 còn phải nộp tiếp 19.710.488 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2018 ông H1 làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án với lý do:

Bản án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông là thiếu cơ sở, không phù hợp với sự thật khách quan. Ông cho rằng diện tích đất tranh chấp ông là người ngay tình, liên tục sử dụng từ trước năm 1976 đến nay nên diện tích đất đó là của ông, ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận diện tích đất đó cho ông và đề nghị hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H2 vì đất đó có nguồn gốc của bố mẹ đẻ ông. Ông H2 sử dụng và được cấp bìa đỏ nhưng không xuất trình được hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên việc cấp giấy chứng nhận không hợp pháp. Ông không nhất trí chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và án phí đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hội vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

Về nguồn gốc thửa đất số 590, tờ bản đồ số 105, diện tích 320 m2 hiện nay ông H1 và ông H2 đang tranh chấp các đương sự đều công nhận là của cụ s và Vũ Thị Th là bố mẹ đẻ của ông H2 và ông H1. Cụ S chết năm 1986, cụ Th chết năm 2002. Ông H1cho rằng năm 1976 ông được bố mẹ cho ở riêng trên phần đất thổ cư hiện nay ông đang sử dụng và cho ông 1 cái ao hiện nay đang tranh chấp, trong quá trình sử dụng ông đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở năm 1994. Còn lại diện tích đất ao ông chưa kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên ông là người ngay tình sử dụng liên tục từ năm 1976 cho đến nay nên diện tích đất đó là của ông, ông đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất đó cho ông và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2. Còn ông H2 thì cho rằng, ông là con trai của cụ S và cụ Th và là em ruột ông H1. Năm 1977, ông H1 lấy vợ được bố mẹ cho đất ra ở riêng, đất thổ cư liền kề nhưng đã xây hàng rào riêng rẽ, ông cũng là con trai ở với bố mẹ trên thửa đất của bố mẹ để lại. Khi còn sống bố mẹ cho ông toàn bộ tài sản nhà, đất ở, đất ao như khuôn viên hiện nay ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993. Việc tặng cho cũng không có giấy tờ nhưng sau khi cho, ông đã đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ khi mẹ ông còn sống không ai tranh chấp và ông sử dụng ổn định. Sau khi mẹ ông chết năm 2002 thì ông H1 lại cho

rằng diện tích đất ao đó là của ông H1 và ông H1 khởi kiện đòi lại nên ông không nhất trí.

Trong quá trình giải quyết cả hai ông H1 và ông H2đều công nhận toàn bộ diện tích đất của ông H1 và ông H2 đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ các ông cho. Ông H1và ông H2 đều cho rằng bố mẹ cho mình 302m^2 ao nhưng không ai đưa ra được chứng cứ nào thể hiện cụ S, cụ Th cho 2 ông diện tích ao này. Ông H1 cho rằng bố mẹ cho ông từ năm 1976, tuy nhiên quá trình sử dụng đến năm 1994 ông chỉ kê khai đất thổ cư và vườn tạp để cấp quyền sử dụng đất mà lại không kê khai diện tích đất ao để cấp quyền sử dụng. Trong quá trình giải quyết ông H1 không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh 302m2 đất ao đang tranh chấp là của riêng mình ông. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất đai là của cụ S và cụ Th và bác yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ, kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận.

Về kháng cáo của ông H1 không nhất trí chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 điều 147 BLTTDS Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 điều 164 BLTTDS đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

Theo quy định tại điều 165 BLTTDS đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và buộc ông phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là có căn cứ nên kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận.

Tại phiên tòa luật sư trình bày: Xét về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ S và cụ Th, cả hai bên đương sự đều xác định được cho nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên nguyên đơn ông H1 sử dụng công khai liên tục từ năm 1976 nên đề nghị H1đồng xét xử xem xét, ngoài ra luật sư còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ của thửa đất đang tranh chấp và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hủy bản án sơ thẩm. H1đồng xét xử thấy ý kiến của luật sư cũng xác định nguồn gốc đất là của cụ S và cụ Th và cả ông H1 và ông H2 đều không xuất trình được giấy tờ tặng cho nhưng ông H1 lại khởi kiện diện tích đất tranh chấp là của riêng ông H1và đề nghị Huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải

quyết của đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh em ruột của ông H1 và ông H2 vào tham gia tố tụng là vi phạm, việc thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ nên chấp nhận kháng cáo của ông H1 hủy bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên là không cần thiết như đã nhận định ở trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 148 , Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1 đối với ông H2, về việc yêu cầu ông H2 phải trả lại diện tích đất ao 302 m^2 tại thửa đất 590 tờ bản đồ số 105, vị trí thửa đất tại tổ dân phố Gi, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 320056 tại thửa 590 tờ bản đồ 105 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Phổ Yên cấp ngày 04/6/1994 mang tên H2 Hải .

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản : ông H1 phải chịu 3.000.000đ ồng. Ông H1 đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông H1 phải chịu 21.710.488 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước , được khấu trừ vào số tiền 2.000.000đồng đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên , biên lai số 009452 ngày 07/12/2016. Ông H1 còn phải nộp tiếp 19.710.488 đồng.

- Về án phí phúc thẩm : Ông H1phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm, xác nhận ông H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009795 ngày 26/11/2018 tại chi cục Thi hành án thị xã Phổ Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TX. Phổ Yên;
- THADS TX. Phổ Yên;
- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- Lưu HS;

Dương Thị Liên

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quế **Trần Thị Nhài** **Dương Thị Liên**